

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
KHU VỰC 2 – ĐỒNG NAI****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 113/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 23/4/2026.

V/v “Tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 – ĐỒNG NAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Cảnh.

Các Hội thẩm nhân dân: + Bà Lý Thị Bạch Tuyết.

+ Bà Nguyễn Thị Ngọc Đẹp.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Thùy Trang - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 2 – Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Tiên Bình - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 4 năm 2026, tại Tòa án nhân dân khu vực 2 - Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số: 747/2025/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 11 năm 2025; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 86/2026/QĐXXST- HNGĐ ngày 16 tháng 3 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 86/2026/QĐST – HNGĐ ngày 03 tháng 4 năm 2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm: 1977.

CCCD số: 034177010014, ngày cấp 31/3/2021; Nơi cấp: Cục cảnh sát Quản lý hành chính về TTXH.

Địa chỉ: Tổ C, ấp T, xã N, tỉnh Đồng Nai.

- Bị đơn: Anh Võ Thanh N, sinh năm: 1978.

CCCD số: 091078000886, ngày cấp 06/4/2021; Nơi cấp: Cục cảnh sát Quản lý hành chính về TTXH.

Địa chỉ: Tổ 32, ấp T, xã N, tỉnh Đồng Nai.

(Các đương sự vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

+ Theo đơn khởi kiện đề ngày 05/11/2025 và các lời khai tiếp theo tại Tòa nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bày: Chị và anh N xây dựng gia đình với nhau từ năm 2001, có đăng kết hôn tại UBND xã S, huyện H, tỉnh Kiên Giang. (Nay là xã S, tỉnh An Giang) ngày 08/11/2001. Sau khi kết hôn cuộc sống vợ chồng hạnh

phúc. Đến đầu năm 2025 thì xảy ra mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm sống, anh **N** không quan tâm gì đến vợ con, cũng không lo làm ăn, chỉ biết ăn chơi gây ra nợ từ đó vợ chồng thường hay gây gổ, cãi vã, cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc, vợ chồng đã sống ly thân nhau từ tháng 3 năm 2025 cho đến nay. Trong thời gian ly thân, vợ chồng có bàn bạc đoàn tụ nhưng không hàn gắn tiếp tục chung sống lại với nhau. Nay, chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, yêu cầu được ly hôn với anh **N**.

Về con chung: Có 01 con chung **Võ Nguyễn Tố Q**, sinh ngày 05/7/2004 (đã thành niên).

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

+ Bị đơn anh **Võ Thanh N** không đến Tòa làm việc nên không có ý kiến trình bày.

+ Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 – Đồng Nai:

Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm. Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án được thực hiện đúng quy định, bị đơn chưa thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị **Nguyễn Thị H**, cho chị **H** được ly hôn anh **Võ Thanh N**.

Về con chung: Có 01 con chung **Võ Nguyễn Tố Q**, sinh ngày 05/7/2004 (đã thành niên).

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tổng đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa cho anh **Võ Thanh N** nhưng anh **N** vắng mặt tại phiên tòa đến lần thứ hai, chị **Nguyễn Thị H** có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, xét xử vắng mặt đối với các đương sự theo quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 và khoản 1 Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Anh **Võ Thanh N**. Nơi cư trú: **xã N, tỉnh Đồng Nai**. Chị **H** có đơn tranh chấp ly hôn với anh **N** thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 2 - Đồng Nai theo quy định tại Điều 28, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị **Nguyễn Thị H** và anh **Võ Thanh N** kết hôn với nhau trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn và đã được

Ủy ban nhân dân xã S, huyện H, tỉnh Kiên Giang (nay là xã S, tỉnh An Giang) cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 43, quyền số 07 ngày 08/11/2001 là hôn nhân hợp pháp, phù hợp với quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình.

Quá trình chung sống, anh N và chị H có những bất đồng về quan điểm sống, thường hay gây gỗ, cãi vã nhau, vợ chồng anh N và chị H đã sống ly thân nhau từ tháng 3/2025 cho đến nay, có bàn bạc đoàn tụ nhưng không thể hàn gắn chung sống được với nhau. Chị H xác định, tình cảm vợ chồng hiện không còn, yêu cầu được ly hôn anh N. Nhận thấy, tình trạng hôn nhân của vợ chồng anh N và chị H đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Xét, yêu cầu xin ly hôn của chị H là có căn cứ nên được chấp nhận.

[3] Về con chung: Có 01 con chung Võ Nguyễn Tố Q, sinh ngày 04/12/2018 (đã thành niên).

[4] Về tài sản chung: Các đương sự tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[5] Về nợ chung: Không có.

[6] Quan điểm của Viện kiểm sát phù hợp chứng cứ đã thu thập, quy định của pháp luật và nhận định của Hội đồng xét xử.

[7] Án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 và khoản 1 Điều 238, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ Điều 8, Điều 9 và Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1- Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị H đối với anh Võ Thanh N về việc “Tranh chấp ly hôn”.

Cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh Võ Thanh N.

Về con chung: Có 01 con chung Võ Nguyễn Tố Q, sinh ngày 05/7/2004 (đã thành niên).

Về tài sản chung: Các đương sự tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Về nợ chung: Không có.

2- Về án phí: Chị **Nguyễn Thị H** phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng, theo biên lai số 0006968 ngày 07/11/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Nai.

3- Quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự./.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lý Thị Bạch Tuyết Nguyễn Thị Ngọc Đẹp

Nguyễn Tấn Cảnh

Nơi nhận : T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- TAND tỉnh Đồng Nai (1); **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
- VKSND khu vực 2 – Đồng Nai (1);
- THADS tỉnh Đồng Nai (1);
- Các đương sự (2);
- UBND xã Sơn Kiên, tỉnh An Giang (1);
- Lưu (3).

Nguyễn Tấn Cảnh